

2. NHỮNG ĐIỂM MỚI NỔI BẬT CỦA SÁCH GIÁO KHOA

So với SGK hiện hành, *Ngữ văn 6*, bộ Chân trời sáng tạo, có nhiều điểm mới về yêu cầu cần đạt, tính tích hợp, nội dung dạy học theo chủ đề, cách thiết kế các nhiệm vụ học tập,...

2.1. Yêu cầu cần đạt

Yêu cầu của từng bài học trong *Ngữ văn 6* được thiết kế dựa trên các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực mà CTGDPT tổng thể và CTGDPT môn Ngữ văn 2018 đã đề ra. Một trong những năng lực mà CTGDPT tổng thể đã nêu là năng lực giao tiếp. Đây vừa là năng lực mà tất cả các môn học cần giúp HS hình thành và phát triển, đồng thời cũng là năng lực đặc thù của môn Ngữ văn, thể hiện qua bốn kĩ năng: đọc, viết, nói và nghe. Vì thế, khi thực hiện mục tiêu của môn Ngữ văn, chúng ta đã góp phần thực hiện mục tiêu phát triển năng lực giao tiếp. Và khi hướng dẫn HS đạt được các yêu cầu cần đạt trong từng bài học, giáo viên (GV) cũng góp phần đạt được các yêu cầu về phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Đặc biệt là phẩm chất yêu nước, nhân ái được thể hiện rất rõ qua việc HS hiểu, phân tích, đánh giá được nội dung các VB đọc.

Yêu cầu cần đạt được xác định không chỉ giúp HS chiếm lĩnh kiến thức mà còn phát triển các kĩ năng như: đọc, viết, nói và nghe, từ đó hình thành phẩm chất, năng lực. Kiến thức không chỉ là nội dung cần học mà còn là công cụ để qua nội dung, HS được hình thành và phát triển kĩ năng.

Các yêu cầu được thể hiện bằng những động từ miêu tả những hành động mà HS có thể thực hiện được đồng thời GV có thể đo được mức độ thực hiện các hành động đó.

Ví dụ: sau khi học xong bài 4 *Những trải nghiệm trong đời*, HS cần đạt được những yêu cầu sau (tập một):

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại; người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.
- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản gợi ra.
- Nhận biết được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ; biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.
- Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.
- Nhân ái, khoan dung với người khác; biết trân trọng những giá trị của cuộc sống.

Yêu cầu cần đạt của từng bài học có những vai trò sau:

– Định hướng kết quả mà người biên soạn sách cần bám vào để giúp HS đạt được yêu cầu cần đạt sau khi học xong mỗi bài học;

– Là căn cứ để đánh giá HS. Ví dụ: nếu học xong bài 4, HS chỉ ra được những yếu tố của truyện đồng thoại qua một VB cụ thể thì nghĩa là HS đã đạt yêu cầu mà bài học đã đề ra.

– Là căn cứ để GV thực hiện các phương pháp dạy học, tổ chức các hoạt động học sao cho giúp HS đạt được yêu cầu. Mọi hoạt động học phải được thiết kế dựa trên yêu cầu cần đạt của bài học, không hạ thấp cũng như không nâng cao yêu cầu đã xác định (trừ trường hợp dạy lớp chuyên, khi HS đã đạt được yêu cầu cần đạt mà chương trình đã nêu). Yêu cầu đó là chuẩn tối thiểu mà HS mọi vùng miền cần đạt. Nếu HS yếu, thay vì dạy 1 tiết, có thể dạy 2 tiết, thay vì một câu hỏi, có thể thiết kế nhiều câu hỏi để hướng dẫn HS từng bước đạt được yêu cầu/ chuẩn tối thiểu đã đặt ra.

2.2. Cách tiếp cận tích hợp

Một điểm mới nổi bật của *Ngữ văn 6*, bộ Chân trời sáng tạo là sự tích hợp. Quan điểm tích hợp được thể hiện trên nhiều mặt: tích hợp chủ điểm và thể loại, tích hợp các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe và tích hợp đọc, viết với tiếng Việt.

2.2.1. Tích hợp các văn bản đọc theo chủ điểm và thể loại

Tích hợp các VB đọc theo chủ điểm và thể loại nhằm giúp HS không chỉ học về thể loại mà còn học cách nhận biết thế giới tự nhiên, xã hội và bản thân. Điều này làm cho nội dung học tập trở nên hứng thú hơn (xem bảng thống kê dưới đây):

Tập một		Tập hai	
<i>Lắng nghe lịch sử nước mình</i>	TRUYỆN THUYẾT	<i>Điểm tựa tinh thần</i>	TRUYỆN
<i>Miền cổ tích</i>	CỔ TÍCH	<i>Gia đình thương yêu</i>	THƠ
<i>Vẻ đẹp quê hương</i>	THƠ (LỤC BÁT)	<i>Những góc nhìn cuộc sống</i>	VB NGHỊ LUẬN
<i>Những trải nghiệm trong đời</i>	ĐỒNG THOẠI	<i>Nuôi dưỡng tâm hồn</i>	TRUYỆN
<i>Trò chuyện cùng thiên nhiên</i>	HỎI KÍ	<i>Mẹ Thiên Nhiên</i>	VB THÔNG TIN

Nội dung các VB được đưa vào sách có những đặc điểm chung như: giàu giá trị nhân văn, thâm mỹ; gần gũi với tâm lí, nhận thức của HS; gắn với những vấn đề mà lứa tuổi HS lớp 6 thường gặp; cập nhật các vấn đề của thời đại; tiêu biểu cho đặc điểm những thể loại mà HS cần học. Điều này làm cho kiến thức không bị hàn lâm, quá cao đối với HS lớp 6, qua đó tăng hứng thú học tập cũng như góp phần giáo dục kỹ năng sống cho HS.

Mỗi bài học gồm hai VB đọc chính, có cùng chủ đề và thể loại nhằm giúp HS phát triển phẩm chất, hình thành kỹ năng đọc theo thể loại đồng thời thực hiện kỹ năng liên hệ, so sánh giữa VB đọc thứ nhất với VB đọc thứ hai để nhận ra những điểm giống và khác nhau giữa hai VB.

VB thứ ba khác thể loại nhưng vẫn kết nối với VB thứ nhất và thứ hai về chủ đề. Điều này giúp HS tiếp tục có cơ hội thực hiện kỹ năng liên hệ, so sánh VB này với các VB khác để tăng hứng thú cho HS.

VB thứ tư cùng thể loại, chủ đề với VB thứ nhất và thứ hai. Chức năng của nó là hướng dẫn HS thực hành đọc theo thể loại. Vì thế, các câu hỏi hướng dẫn đọc VB này không đi sâu vào nội dung VB mà hướng dẫn HS thực hành, sử dụng kiến thức đã có về thể loại để đọc hiểu VB.

2.2.2. Tích hợp các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe

Tích hợp các kỹ năng đọc, viết, nói nghe được thể hiện ở tất cả các bài học với những mức độ khác nhau.

2.2.2.1. Tích hợp kỹ năng đọc với kỹ năng viết

Tích hợp đọc và viết được thể hiện trong phần lớn các bài. Bảng thống kê dưới đây thể hiện rõ điều này:

Bài	Đọc	Viết
1	Truyện (kể lại một trải nghiệm)	Kể lại một trải nghiệm
3	Hồi kí (văn tả cảnh)	Viết bài văn tả cảnh
5	Thơ lục bát	Làm bài thơ lục bát
6	VB thuyết minh	Viết VB thuyết minh thuật lại một sự kiện
7	Truyện cổ tích	Viết bài văn kể lại một truyện cổ tích
8	Văn nghị luận	Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng đọc nhiều sẽ có tác động tốt đến kĩ năng viết. Vì thế, mục đích của việc tích hợp đọc và viết cùng kiểu loại VB là giúp HS có thể vận dụng những hiểu biết về kiểu loại VB (hình thức thể hiện và phong cách ngôn ngữ) mà HS đã học trong giờ đọc hiểu để tạo lập VB cùng kiểu loại.

Tích hợp đọc và viết còn thể hiện ở một cấp độ nhỏ hơn là thực hiện các phiếu học tập, vẽ sơ đồ, viết nhật kí đọc sách,... Hoạt động này giúp HS khám phá VB, đồng thời ghi nhớ những gì đã học lâu hơn vì quá trình viết là quá trình HS phải định hình suy nghĩ của mình và thể hiện bằng ngôn từ. Những sản phẩm này sẽ được lưu giữ trong hồ sơ học tập của HS để các em và GV đánh giá được thái độ học tập, mức độ hoàn thành yêu cầu cần đạt của HS.

2.2.2.2. Tích hợp kĩ năng viết và nói – nghe

Việc tích hợp viết với nói – nghe được thực hiện trong nhiều bài học. Sau khi hoàn thành bài viết, HS trình bày trong giờ học Nói và nghe (xem bảng dưới đây):

Bài	Viết	Nói và nghe
1	Kể lại một trải nghiệm	Kể một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân
2	Viết bài văn kể lại một truyện cổ tích	Kể lại một truyện cổ tích
3	Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ lục bát	Trình bày cảm xúc sau khi đọc một bài thơ lục bát
4 và 9	Kể lại một trải nghiệm của bản thân	Kể lại một trải nghiệm của bản thân

6	Viết VB thuyết minh thuật lại một sự kiện	Thuật lại một sự kiện đáng nhớ đối với bản thân
7	Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ	Trình bày cảm xúc sau khi đọc một bài thơ
8	Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng	Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống

Mục đích của dạy kỹ năng nói và nghe gắn với kỹ năng viết là tạo cơ hội cho HS chia sẻ những gì đã viết, phát triển năng lực giao tiếp bằng cả hai hình thức nói và viết, đồng thời giúp HS nhận ra mặc dù nói và viết đều là những kỹ năng thuộc về quá trình tạo lập VB nhưng không hoàn toàn giống nhau.

2.2.3. Tích hợp đọc, viết với tiếng Việt

Tích hợp đọc và tiếng Việt được thực hiện theo nguyên tắc: tri thức tiếng Việt được đưa vào bài học phụ thuộc vào việc VB đọc có chứa tri thức đó hay không, nhằm giúp HS có thể sử dụng tri thức tiếng Việt để đọc hiểu VB tốt hơn.

Ví dụ 1: Trong VB *Lao xao ngày hè* (Bài *Trò chuyện cùng thiên nhiên*), nhà văn Duy Khán sử dụng nhiều biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ, vì thế, tri thức tiếng Việt mà HS được học trong bài này là ẩn dụ và hoán dụ.

Ví dụ 2: Trong VB *Những cánh bướm* (Bài *Gia đình yêu thương*) có chứa hiện tượng từ đồng âm, vì thế, tri thức tiếng Việt được dạy ở bài này là từ đồng âm và từ đa nghĩa.

Mục đích của việc thiết kế bài học theo hướng tích hợp như trên là giúp HS có thể sử dụng tri thức tiếng Việt để đọc hiểu VB tốt hơn.

Tích hợp viết với tiếng Việt được thể hiện qua việc thực hiện viết những bài tập viết ngắn (viết đoạn). Trong quá trình viết đoạn văn, HS được yêu cầu vận dụng tri thức tiếng Việt vào viết đoạn. Điều đó tạo cho HS cơ hội vận dụng kiến thức tiếng Việt vào thực tế sử dụng ngôn ngữ của bản thân.

2.3. Các tri thức nền trong sách giáo khoa

Các tri thức (gồm kiến thức, kỹ năng) trong *Ngữ văn 6* được xây dựng dựa trên yêu cầu về kiến thức đối với lớp 6 đã được quy định trong CTGDPT môn Ngữ văn.

2.3.1. Tri thức Ngữ văn

Các tri thức Ngữ văn được trình bày ngắn gọn trong mục *Tri thức đọc hiểu* và *Tri thức tiếng Việt*.

Tri thức đọc hiểu, gồm những tri thức mang tính chất công cụ, giúp HS không chỉ biết cách đọc hiểu VB theo thể loại trong SGK mà còn biết cách đọc các VB khác cùng thể

loại, nằm ngoài chương trình. Trong SGK *Ngữ văn 6*, các thông tin về tác giả, tác phẩm được đóng khung, trình bày sau các câu hỏi suy ngẫm và phản hồi, không trình bày trước VB như SGK hiện hành. Các thông tin này có tính chất tham khảo, không phải là tri thức bắt buộc HS phải học trên lớp hoặc được dùng để kiểm tra khả năng học thuộc lòng của HS. Do vậy, trong tiến trình dạy trên lớp, GV không cần hướng dẫn HS tìm hiểu tác giả, tác phẩm mà tập trung vào hướng dẫn HS đọc, trải nghiệm về VB, về thể loại VB.

Tri thức tiếng Việt là những tri thức mà chương trình yêu cầu. Các tri thức này được dạy gắn với các hiện tượng ngôn ngữ xuất hiện trong VB và mang tính chất công cụ, giúp HS đọc hiểu VB tốt hơn (xem bảng sau):

Bảng thống kê các tri thức tiếng Việt

Tri thức tiếng Việt	Bài học
Từ đơn và từ phức, từ ghép và từ láy	Bài 1
Trạng ngữ – chức năng liên kết câu	Bài 2
Lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB	Bài 3
Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ	Bài 4
Ẩn dụ, hoán dụ	Bài 5
Đoạn văn và VB: đặc điểm và chức năng Công dụng của dấu ngoặc kép	Bài 6
Từ đa nghĩa và từ đồng âm	Bài 7
Từ mượn, từ gốc Hán	Bài 8
Lựa chọn cấu trúc câu và tác dụng của nó đối với việc thể hiện nghĩa của VB	Bài 9
Công dụng của dấu chấm phẩy Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu	Bài 10

2.3.3. Tri thức về Viết

Tri thức về kiểu bài viết, gồm: đặc điểm và các yêu cầu đối với kiểu bài (được đóng khung). Đây là những tri thức công cụ để HS không chỉ biết được đặc điểm kiểu bài mà còn có thể vận dụng để tạo lập VB đúng với yêu cầu của kiểu bài.

VB mẫu trong bài học được hiểu như là một mô hình trực quan. Ở đó hội đủ những đặc điểm về nội dung lẫn hình thức của kiểu VB mà HS cần tạo lập đồng thời vừa tâm với HS, giúp HS nhận thấy là mình có thể học được và có thể tạo lập được VB tương tự về kiểu bài với những đề tài khác nhau. Điều này hoàn toàn khác với việc GV cho HS bài mẫu và HS chép văn mẫu. Chức năng của VB mẫu là để HS học cách làm chứ không phải là mẫu để sao chép nội dung.

Trong chương trình lớp 6, HS được học cách viết sáu kiểu bài sau:

Bảng thống kê các kiểu bài

Kiểu VB	Đề bài	Bài học
Biểu cảm	Ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát	Bài 3
	Ghi lại cảm xúc về một đoạn thơ	Bài 7
Tả cảnh	Tả lại một cảnh sinh hoạt	Bài 5
Tự sự	Kể lại một truyện cổ tích	Bài 2
	Kể lại một trải nghiệm	Bài 4 và bài 9
Nghị luận	Trình bày ý kiến về một hiện tượng trong cuộc sống	Bài 8
Sáng tác	Làm một bài thơ lục bát	Bài 3
Thông tin	Tóm tắt nội dung chính của một số VB bằng sơ đồ	Bài 1
	Viết biên bản	Bài 6
	Thuyết minh thuật lại một sự kiện	Bài 10

2.3.4. Tri thức về nói và nghe

Nội dung tri thức về nói và nghe trong SGK gồm hai mảng:

- Cách nói/ trình bày một kiểu bài cụ thể;
- Kỹ năng giao tiếp nói chung, gồm kỹ năng trình bày, lắng nghe, phản hồi.

Đối với mảng thứ nhất, cách nói/ trình bày về một kiểu bài thường gắn với kiểu bài viết mà HS đã học và viết.

Đối với kỹ năng giao tiếp, ở từng bài, HS đều được học về kỹ năng trình bày, lắng nghe, phản hồi. Đây là những kỹ năng mềm mà HS có thể sử dụng khi nói hoặc thuyết trình về bất cứ đề tài nào.

2.4. Các nhiệm vụ học tập

2.4.1. Đặc điểm chung

Các nhiệm vụ học tập trong *Ngữ văn 6* có những đặc điểm sau:

– Được thiết kế theo nguyên tắc phát huy tính chủ động, sáng tạo của HS, hướng dẫn HS từng bước kiến tạo tri thức, không cung cấp kiến thức có sẵn cũng không “mớm” kiến thức cho HS.

– Bám chặt vào yêu cầu cần đạt (cũng chính là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và các kỹ năng đọc viết, nói, nghe) mà CTGDPT tổng thể cũng như CTGDPT môn Ngữ văn đã đề ra.

– Phù hợp với tâm nhận thức và đặc điểm tâm, sinh lí của HS lớp 6.

2.4.2. Đặc điểm của các nhiệm vụ học tập phần Đọc

– Được thiết kế dựa trên yêu cầu cần đạt về đọc mà CT đã đề ra, bao gồm các yêu cầu về đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức và liên hệ, so sánh, kết nối và yêu cầu đọc mở rộng.

– Hướng dẫn HS khám phá nội dung và hình thức của VB, qua đó, hình thành và phát triển các kĩ năng đọc theo thể loại đã được xác định trong chương trình.

– Được thiết kế theo 3 giai đoạn của tiến trình đọc: trước, trong và sau khi đọc. Ba giai đoạn này được cài đặt ứng với ba mục lớn của bài học đọc là *Chuẩn bị đọc*, *Trải nghiệm cùng văn bản* và *Suy ngẫm và phản hồi*.

– Hướng dẫn đọc mở rộng gồm các VB thứ 4 trong mỗi chủ điểm (mục Đọc mở rộng theo thể loại).

2.4.3. Đặc điểm của các nhiệm vụ học tập phần Thực hành tiếng Việt

– Được thiết kế dựa trên yêu cầu về tiếng Việt của chương trình lớp 6.

– Gắn với ngữ liệu trong VB đọc.

– Gồm các bài tập thực hành kiến thức mới và ôn lại các đơn vị kiến thức đã học ở những bài học trước, cấp lớp dưới.

2.4.4. Đặc điểm của các nhiệm vụ học tập phần Viết ngắn

– Yêu cầu HS viết đoạn văn nhằm phát triển kĩ năng viết đoạn, khả năng tưởng tượng, sáng tạo, liên hệ,...

– Vận dụng kiến thức về tiếng Việt và hiểu biết về VB đã đọc vào viết đoạn.

2.4.5. Đặc điểm của các nhiệm vụ học tập phần Viết

– Được thiết kế dựa trên yêu cầu cần đạt về viết mà chương trình đã đề ra.

– Hướng dẫn HS phân tích văn bản mẫu để học cách tạo lập kiểu văn bản tương tự.

– Hướng dẫn HS quy trình viết qua việc thực hành viết một bài, nghĩa là học bằng cách làm (learning by doing).

– Hướng dẫn HS tự kiểm soát và điều chỉnh bài viết thông qua các bảng kiểm (checklist).

– Gắn với thể loại VB đọc (trong một số trường hợp).

2.4.6. Đặc điểm của các nhiệm vụ học tập phần Nói và nghe

– Được thiết kế dựa trên yêu cầu cần đạt về nói và nghe mà CTGDPT đã đề ra.

– Hướng dẫn HS cách nói dựa trên một đề bài cụ thể để HS có cơ hội học kĩ năng nói,

nghe và nói nghe tương tác.

– Tích hợp với viết (trong phần lớn các bài) để HS có cơ hội chia sẻ bài đã viết bằng hình thức nói.

– Hướng dẫn HS tự kiểm soát và điều chỉnh bài viết thông qua các bảng kiểm (checklist).